TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2018
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Lệ Thúy.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Quốc Quy**

2. Bà **Lý Thị Miên Kim**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Chánh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không

Ngày 12/9/2018 tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 237/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2018 về việc "Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/ QĐST-HNGĐ, ngày 22/8/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Ánh H**, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn Q**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án bà **Phạm Thị Ánh H** trình bày: Vào năm 2004, bà H và ông Q tự nguyện chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường B, thành phố S, Giấy CN kết hôn cấp ngày 17/3/2004. Ông bà có 02 con chung là Hồ Ngọc Q1, sinh ngày 05/01/2006 và Hồ Nhựt Q2, sinh ngày 14/7/2008, hiện nay bà H đang nuôi. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài tháng thì tết năm 2005, ông Q đánh bài bị công an xã bắt, từ đó bà H mới biết ông Q cờ bạc, cá độ, đá gà, chơi số đầu đuôi…không lo gì cho gia đình, ông Q lấy vàng

của bà nhưng không nói với bà, đến khi bà H phát hiện thì ông Q mới thừa nhận, bà H cũng bỏ qua mọi chuyện, nhưng ông Q lại lấy vàng của em gái bà H ở chung nhà, bà không hay biết, nhưng vì không muốn có chuyện nên bà H thừa nhận là bà H lấy vàng của em gái của bà. Đến khi trường bà H có tạo điều kiện để giáo viên vay chăn nuôi, bà được nhà trường cho vay 01 suất, lúc này bà vay và lấy tiền chuộc vàng để trả lại cho em gái bà. Chưa dừng lại ở đó, ông Q còn vay tiền nóng của người ngang nhà (ông K hớt tóc), bà H phải đứng ra trả cho ông Q 02 lần với số tiền 15.000.000 đồng cả vốn và lãi là hơn 02 lượng vàng, bà H đã nói với ông K là không cho ông Q vay tiền nữa, tiếp đó không bao lâu thì ông Q lấy giấy tờ xe của mẹ ruột bà H đem qua ông K cầm với số tiền 3.000.000 đồng, thì bà H phát hiện mà lần này bà H không trả cho ông K như 02 lần trước mà bà làm đơn thưa gửi đến Phường B để giải quyết và được Ủy ban nhân dân Phường B giải quyết cho bà trả một tháng 300.000 đồng trả trong thời gian 10 tháng và sau đó bà xin được ly hôn với ông Q nhưng vì lúc này bà đang mang thai, nên tổ hòa giải động viên vợ chồng hàn gắn. Sau đó ông Q bỏ đi làm tại Bạc Liêu mấy tháng nhưng không đem tiền về nuôi con, người ở tại chổ ông Q làm nói ông Q đã nghỉ làm nhưng còn nợ lại 500.000 đồng, bà H phải trả thay cho ông Q, cho đến nay ông Q không có trách nhiệm với gia đình và vợ con. Năm 2012, ông Q về nhà cha mẹ ruột sống, lâu lâu mới ra thăm con, ông Q kêu bà về nhà ông Q chung sống để con cho bà ngoại nuôi, bà không đồng ý. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được, nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hồ Ngọc Q1 và Hồ Nhựt Q2, bà H không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Hồ Văn Q: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, ông Q không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Q.

Ý kiến của Hồ Ngọc Q1 và Hồ Nhựt Q2: Nếu cha mẹ ly hôn, thì Q1 và Q2 có nguyện vọng sống chung với mẹ là bà Phạm Thị Ánh H.

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Hồ Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ánh H và ông Hồ Văn Q chung sống với

nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà H nhận thấy ông Q không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình và vợ con, nên ông bà sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Đối với ông Q, từ khi Tòa án thụ lý đến nay, ông Q không tham gia tố tụng, nên Tòa án không thu thập được lời khai và yêu cầu của ông Q. Việc ông Q không tham gia tố tụng đã thể hiện ông không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà H. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, bà H và ông Q sống ly thân 06 năm nay, đã thể hiện ông bà không có ý chí muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân, từ đó cho thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông Q có 02 con chung tên Hồ Ngọc Q1, sinh ngày 05/01/2006 và Hồ Nhựt Q2, sinh ngày 14/7/2008, hiện đang sống với bà H. Bà H có yêu cầu được nuôi con chung. Còn ông Q không tham gia tố tụng, nên Tòa án không thu thập được yêu cầu về con chung. Ý kiến của Hồ Ngọc Q1 và Hồ Nhựt Q2 là có nguyện vọng được sống với mẹ, nếu cha mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, các con chung của bà H và ông Q là Q1 và Q2 đã sống với mẹ từ năm 2012 đến nay và đã được bà H nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học đầy đủ, chưa thể hiện sự khiếm khuyết nào trong việc nuôi các con. Ông Q thì không thể hiện ý kiến nào trong việc nuôi các con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần ổn định nơi sinh sống và học hành, đồng thời đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của Hồ Ngọc Q1 và Hồ Nhựt Q2 muốn sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, từ đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung của ông Q và bà H tên Hồ Ngọc Q1 và Hồ Nhựt Q2 cho mẹ là bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, để các con có đủ điều kiện học tập và phát triển toàn diện, lành mạnh. Ông Hồ Văn Q có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà H.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết, ông Q không thể hiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 và 3

Điều 228, 229, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Ánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Ánh H được ly hôn với ông Hồ Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung của bà Phạm Thị Ánh H và ông Hồ Văn Q tên Hồ Ngọc Q1, sinh ngày 05/01/2006 và Hồ Nhựt Q2, sinh ngày 14/7/2008 cho bà Phạm Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Hồ Ngọc Q1 và Hồ Nhựt Q2 đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Q được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Phạm Thị Ánh H phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ vào Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002347 ngày 20/6/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng đã thu (bà H đã nộp xong án phí)

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a ,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKS -THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND Phường B, TP.S, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Lệ Thúy